



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT – MAY NHA TRANG

ĐỊA CHỈ: KM 1447 QL1A – X. VĨNH PHƯƠNG

– TP.NHA TRANG – T. KHÁNH HÒA

ĐT: 058. 3727241- Website: www.detnhatrang.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1 NĂM 2017

Nha Trang, ngày 25 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km144/ QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		433.397.497.891	373.285.934.921
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		3.677.559.737	3.689.241.665
1. Tiền	111	V.1	3.677.559.737	3.589.241.665
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120		900.000.000	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		900.000.000	1.000.000.000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		203.787.977.816	195.221.515.383
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	110.772.974.239	107.723.011.553
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	67.193.934.796	64.651.787.843
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.A	-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5.1	27.809.685.335	24.835.332.541
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.3	(1.988.616.554)	(1.988.616.554)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. HÀNG TỒN KHO	140		223.176.617.342	172.664.071.122
1. Hàng tồn kho	141	V.6	223.176.617.342	172.664.071.122
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		1.855.342.996	711.106.751
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	1.693.281.850	537.961.591
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11.1	161.731.135	169.344.166
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.1	330.011	3.800.994
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

TÀI SẢN <i>(tiếp theo)</i>	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		426.106.352.036	424.219.550.718
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		80.532.210.128	80.532.210.128
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	80.526.818.222	80.526.818.222
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	5.391.906	5.391.906
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		122.680.213.900	122.383.619.688
1. TSCĐ hữu hình	221	V.19.1	118.307.749.790	117.918.779.572
- Nguyên giá	222		486.404.410.458	481.408.483.930
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(368.096.660.668)	(363.489.704.358)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.19.2	4.372.464.110	4.464.840.116
- Nguyên giá	225		5.542.560.188	5.542.560.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.170.096.078)	(1.077.720.072)
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240		204.355.736.137	202.692.610.875
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	204.355.736.137	202.692.610.875
IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		11.221.725.000	11.221.725.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.1	11.221.725.000	11.221.725.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		7.316.466.871	7.389.385.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	7.260.848.203	7.310.656.956
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.9	55.618.668	78.728.071
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		859.503.849.927	797.505.485.639

03/04/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		632.309.847.698	570.788.301.807
I. NỢ NGẮN HẠN	310		457.450.641.303	409.361.310.052
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	119.328.053.788	113.365.896.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.311.968	40.391.197
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.2, V.11.3	2.182.368.823	4.059.932.530
4. Phải trả người lao động	314		3.435.370.017	17.015.170.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.753.605.132	2.628.335.927
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	17.673.353.123	4.519.730.355
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	309.530.418.445	265.362.213.330
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1.533.160.007	2.369.639.007
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. NỢ DÀI HẠN	330		174.859.206.395	161.426.991.755
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.839.000.000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	172.020.206.395	161.426.991.755
9. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGUỒN VỐN (tiếp theo)	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	227.194.002.229	226.717.183.832
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		227.241.079.444	226.658.264.573
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.000.000.000	185.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.030.000.000	2.030.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(397.367.639)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.015.663.659	22.015.663.659
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.592.783.424	17.612.600.914
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		17.612.600.915	(1.200.196.387)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		980.182.509	18.812.797.301
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
III. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	429		(47.077.215)	58.919.259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		859.503.849.927	797.505.485.639

Nha Trang, ngày 25 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



Hoàng Thị Ái Khanh

Kế toán trưởng



Hồ Đặng Như Duyên

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1/2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
				Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	186.066.323.316	249.561.228.385	186.066.323.316	249.561.228.385
2.	Các khoản giảm trừ	02	VI.2	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	186.066.323.316	249.561.228.385	186.066.323.316	249.561.228.385
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	160.369.348.395	236.912.443.726	160.369.348.395	236.912.443.726
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.696.974.921	12.648.784.659	25.696.974.921	12.648.784.659
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	148.425.836	1.723.987.967	148.425.836	1.723.987.967
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	5.772.718.843	4.294.613.731	5.772.718.843	4.294.613.731
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.611.026.275	4.062.483.670	5.611.026.275	4.062.483.670
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.7	1.637.422.752	2.277.588.595	1.637.422.752	2.277.588.595
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	8.758.969.714	7.008.560.468	8.758.969.714	7.008.560.468
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.676.289.448	792.009.832	9.676.289.448	792.009.832
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	11.256.250.000	-	11.256.250.000	-
12.	Chi phí khác	32	VI.10	19.724.435.530	9.487.997	19.724.435.530	9.487.997
13.	Lợi nhuận khác	40		(8.468.185.530)	(9.487.996)	(8.468.185.530)	(9.487.996)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	50		1.208.103.918	782.521.836	1.208.103.918	782.521.836
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		310.808.480	59.178.872	310.808.480	59.178.872
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	23.109.403	23.109.403	23.109.403	23.109.403
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		874.186.035	700.233.561	874.186.035	700.233.561
19.	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	61		(105.996.474)	(132.804.606)	(105.996.474)	(132.804.606)
20.	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	62		980.182.509	833.038.167	980.182.509	833.038.167
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	53	45	53	45
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu



Hoàng Thị Ái Khanh

Kế toán trưởng



Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang ngày 25 tháng 04 năm 2017



Tổng Giám đốc

**CÔNG TY C.P
DỆT - MAY
NHA TRANG**

Lê Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nhà Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ 1		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
			NĂM 2017	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2016
<u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		190.679.741.512	1.152.949.864.452	190.679.741.512	1.152.949.864.452
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(193.989.132.066)	(832.178.393.564)	(193.989.132.066)	(832.178.393.564)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.462.931.877)	(146.876.849.320)	(28.462.931.877)	(146.876.849.320)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.934.308.142)	(16.443.087.118)	(3.934.308.142)	(16.443.087.118)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.972.271.978)	(1.898.011.837)	(2.972.271.978)	(1.898.011.837)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.420.468.636	17.222.240.770	28.420.468.636	17.222.240.770
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.952.304.220)	(82.395.702.381)	(27.952.304.220)	(82.395.702.381)
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>	20		(38.210.738.135)	90.380.061.002	(38.210.738.135)	90.380.061.002
<u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.180.000)	(129.186.203.447)	(12.180.000)	(129.186.203.447)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	8.987.438.464	-	8.987.438.464
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.000.000)	(1.200.000.000)	(200.000.000)	(1.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		300.000.000	1.800.000.000	300.000.000	1.800.000.000
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(27.810.000)	-	(27.810.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.533.052	1.530.316.517	26.533.052	1.530.316.517
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>	30		114.353.052	(118.096.258.466)	114.353.052	(118.096.258.466)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
			NĂM 2017	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		194.880.267.459	900.874.400.023	194.880.267.459	900.874.400.023
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(156.795.564.304)	(843.101.307.057)	(156.795.564.304)	(843.101.307.057)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	(1.030.099.996)	-	(1.030.099.996)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(29.600.000.000)	-	(29.600.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40		38.084.703.155	27.142.992.970	38.084.703.155	27.142.992.970
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50		(11.681.928)	(573.204.494)	(11.681.928)	(573.204.494)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.689.241.665	3.832.989.160	3.689.241.665	3.832.989.160
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	429.454.398	-	429.454.398
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.677.559.737	3.689.239.064	3.677.559.737	3.689.239.064

Người lập biên



Hoàng Thị Ái Khanh

Kế toán trưởng



Hồ Dũng Như Duyên



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động:

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty/Công ty mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là: 2.247 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là: 2.987 người).

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tầng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty

- ▶ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ : Số 54 Tôn Thất Tùng, quận 1, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
- ▶ Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội
Địa chỉ : Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.
- ▶ Cửa hàng Centex
Địa chỉ : Số 12 Nguyễn Gia Thiều, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Công ty con

- ▶ Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI")

Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức và Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201220884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34 tỷ đồng, trong đó Công ty đăng ký góp 20 tỷ đồng (tương đương 58,82% vốn điều lệ) và hai cổ đông sáng lập còn lại đăng ký góp 14 tỷ đồng (tương đương 41,18% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày và kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn Gia Thiều, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trình	Chủ tịch	25/04/2013	-
Ông Lê Ngọc Hoan	Ủy viên	25/04/2013	22/04/2016
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	25/04/2013	-
Ông Trần Ngọc Nga	Ủy viên	25/04/2013	22/04/2016
Bà Nguyễn Thị Liên	Ủy viên	15/07/2013	22/04/2016
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	22/04/2016	-

3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

So sánh được vì từ 01/01/2015 Tập đoàn thực hiện ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

* Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là Tập đoàn

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm:

Năm tài chính của tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2 Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là nhật ký chung.

3 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành ở Việt Nam.

4 Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính quý của công ty mẹ và công ty con Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1 Các loại tỷ giá hối đoái, nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.
 - Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.
 - Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.
- Tại ngày 31/12/2016, tỷ giá mua là 22.720 VND/USD; tỷ giá bán là 22.800 VND/USD.
Tại ngày 31/12/2016, tỷ giá mua là 23.899 VND/EUR; tỷ giá bán là 24.232 VND/EUR.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Dầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
 - Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.
- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

-	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
-	Máy móc và thiết bị	03 - 15
-	Phương tiện vận tải	05 - 10
-	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
-	Tài sản cố định hữu hình khác	10

7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8 Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định: thuê tài chính được thể hiện theo

nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị

15

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16 Chi phí vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2017	01/01/2017
- Tiền mặt	80.941.357	108.224.817
- Tiền gửi ngân hàng	3.596.618.380	3.481.014.247
- Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng		100.000.000
Cộng	3.677.559.737	3.689.239.064
<i>Trong đó:</i>		
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 01/01/2017	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	51.501,83	1.170.121.578
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	68.351
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 31/03/2017	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	55.826,26	1.267.535.233
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	69.015
2.1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/03/2017	01/01/2017
- Cổ phiếu CTCP Bông Tây Nguyên (2.688 CP)	266.915.000	266.915.000
- Góp vốn điều lệ thành lập CTCP xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú (90.000 CP)	954.810.000	954.810.000
- Công ty CP phát triển nhà và đô thị Huế Nha Trang (1.000.000 CP)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	11.221.725.000	11.221.725.000
2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2017	01/01/2017
- Tiền gửi kỳ hạn 13 tháng	900.000.000	1.000.000.000
Cộng	900.000.000	1.000.000.000
3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/03/2017	01/01/2017
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	62.654.716.455	45.049.901.850
- Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Phú Trà	864.902.256	864.902.256
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	525.133.945	427.420.473
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	7.115.220.988	10.115.220.988
- Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc	30.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH Dệt May Thygesen Việt Nam	-	28.250.341
- Công ty TNHH SX-TM Thành Vinh	21.989.530.000	38.513.030.000
- Melcosa Việt Nam LTD.	-	1.275.693.920
- Itochu Corporation/Osasl	-	436.735.200
- Star Collabo Co., Ltd	-	16.906.861
- Sanmar Corporation	13.826.118.930	7.749.094.950
- Orchid Apparel I.L.C	998.302.522	1.356.574.848
- Các khách hàng khác	2.769.049.143	1.849.903.447
Cộng	110.772.974.239	107.713.635.134

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

* Trong đó, số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là: 653.011,9 USD - tương đương 14.826.635.190 VND

3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng	31/03/2017	01/01/2017
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	80.526.818.222	80.526.818.222
cộng	80.526.818.222	80.526.818.222
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/03/2017	01/01/2017
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	6.392.419.766	11.339.707.298
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phong Phú	44.963.177.401	44.963.177.401
Công ty TNHH TMDV&XD Phúc Minh	-	-
Công ty TNHH XD Minh Việt	-	-
Công ty TNHH MTV Khai thác CTIL Nam Khánh Hòa	-	-
Công ty TNHH Thanh Hà	-	-
Xí nghiệp xây lắp công nghiệp Điện lực Khánh Hòa	-	-
Công ty TNHH TMDV Công nghệ môi trường Bách Khoa	3.236.748.308	-
Công ty CP Thang máy Thiên Nam	-	-
Công ty TNHH TM DV Điện nước Khánh Hòa	-	-
Bà Trần Thị Khương	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ điện lạnh Âu Việt	-	1.387.965.000
Công ty CP Tập đoàn Toji	-	849.859.918
Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ TQV	1.044.773.308	1.044.773.308
Công ty TNHH MTV Cơ khí sản xuất Thương mại Nghĩa Thành	3.180.646.640	3.180.646.640
Công ty TNHH CN & TM Bình Điền	68.336.000	68.336.000
Các nhà cung cấp khác	7.055.935.374	567.322.296
cộng	67.192.036.797	64.651.787.861
5.1 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/03/2017	01/01/2017
- Tạm ứng cho CBCNV công ty	328.000.000	161.474.092
- Tiền lãi phải thu - CTCP Đầu tư phát triển Phong Phú	8.848.093.333	7.891.843.333
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-
- Thuế GTGT đầu vào của tài sản thuế tài chính	241.893.944	241.893.944
- Phải thu khác	18.391.698.058	16.540.121.169
cộng	27.809.685.335	24.835.332.538
5.2 Các khoản phải thu dài hạn khác	31/03/2017	01/01/2017
- Lãi tiền gửi khoản ký quỹ thuê tài chính dài hạn	5.391.906	5.391.906
- Ký quỹ thuê tài chính dài hạn	-	-
cộng	5.391.906	5.391.906

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.3 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	31/03/2017	01/01/2017
Công ty CP Dệt May Hapaco Hải Phòng	787.538.760	787.538.760
Công ty CP bông miền bắc	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	35.875.532	35.875.532
Công ty CP VINATEX Đà Nẵng	39.314.957	39.314.957
Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt	209.661.832	209.661.832
Công ty Cổ Phần thương mại và sản xuất Phú Trà	864.902.256	864.902.256
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phú Khánh Hòa	6.177.999	6.177.999
Công ty TNHH SX TM DV Trần Phong	7.189.618	7.189.618
Công ty CP Dụng cụ Thể thao Delta	4.000.000	4.000.000
Công ty TNHH MTV Vải Phụ liệu&Thiết bị May Thái Bình	3.955.600	3.955.600
cộng	1.988.616.554	1.988.616.554
* Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:		
Số dư tại 01/01	1.988.616.554	2.177.008.324
Trích lập dự phòng bổ sung	-	64.459.620
Hoàn nhập dự phòng	-	(73.136.403)
Xóa nợ phải thu	-	(179.714.987)
Số dư cuối kỳ	1.988.616.554	1.988.616.554
5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/03/2017	01/01/2017
- Phải thu về cho vay ngắn hạn - Bà Trần Thị Hồng Loan	-	-
cộng	-	-
6. Hàng tồn kho	31/03/2017	01/01/2017
- Hàng mua đang đi trên đường	-	138.806.974
- Nguyên liệu, vật liệu	49.300.068.954	43.602.070.719
- Công cụ dụng cụ	43.017.219	36.022.219
- Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	73.811.389.868	57.363.701.418
- Thành phẩm	98.960.234.732	70.385.747.359
- Hàng hoá	5.028.399	40.444.543
- Hàng gửi bán	1.056.878.170	1.097.277.890
cộng	223.176.617.342	172.664.071.122
7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/03/2017	01/01/2017
- Chi phí phụ tùng	88.404.610	138.007.687
- Chi phí đồng phục	175.113.756	67.111.289
- Chi phí bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa	232.364.713	118.865.141
- Chi phí công cụ, dụng cụ	34.756.155	34.756.155
- Chi phí sửa chữa	316.525.091	156.721.311
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	846.117.525	22.500.008
cộng	1.693.281.850	537.961.591

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

7.2 Chi phí trả trước dài hạn	31/03/2017	01/01/2017
- Chi phí phụ tùng	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.497.458.872	1.872.339.577
- Chi phí sửa chữa	551.404.545	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.211.984.786	3.438.317.379
Cộng	7.260.848.203	7.310.656.956
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/03/2017	01/01/2017
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Mua xe đưa đón công nhân	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	204.355.736.137	202.692.610.875
+ Dự án nhà máy sản xuất vải dệt kim	203.492.941.809	201.089.598.925
- Dự án quy hoạch Nhà máy May 2 & May 4 theo Lean	-	-
+ Chương trình cải tạo NM Máy 2 thành Nhà ăn	-	-
+ Phương án di chuyển lắp đặt nhà máy may 1	167.072.728	-
+ Phương án nâng cấp thiết bị máy sợi con F1520- Hãng Jingweil - Trung Quốc thuộc nhà máy sợi 3	695.721.600	-
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	-	1.603.011.950
Cộng	204.355.736.137	202.692.610.875
9. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	31/03/2017	01/01/2017
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	24.806.148	24.806.148
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do ghi nhận chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	30.812.520	53.921.922
Cộng	55.618.668	78.728.071
10. Phải trả người bán ngắn hạn	31/03/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	82.816.718.677	71.267.969.001
Công ty Cổ phần Xúc tiến TM&ĐT Phong Phú	8.041.653.820	6.009.650.962
Công ty Cổ phần Thuận Hải	-	1.757.729.276
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	3.204.187.996	1.545.656.500
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	87.037.500	348.617.500
Công ty TNHH MTV Dệt May 7	10.440.532.240	18.909.246.110
Công ty TNHH Brotex Việt Nam	2.775.300.520	1.444.716.000
Công ty TNHH Sao Mai Anh	50.430.001	19.880.001
Công ty TNHH SX TM Thành Phát	-	-
Công ty CP Thương mại Dầu tư Bất động sản Dương Trần	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ Ánh Dương	-	23.100.000
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa	1.385.862.490	1.452.634.520
Công ty TNHH SX-TM-DV Hiệp Hòa	-	503.501.035
Công ty TNHH DV TM SX in dệt nhãn hiệu Thủ Đức	35.971.595	191.699.706
Công ty TNHH TM Tân Tiến Hưng	194.750.325	92.577.870
Công ty TNHH TM U.C.C	93.170.000	216.590.000
Công ty TNHH STD&S	70.516.600	150.351.300
Công ty TNHH TM Huy Quang	230.615.000	314.600.000
Công ty TNHH Hiệp Hưng	142.537.120	175.521.500
Công ty TNHH TM Tân Hiệp Tiến	295.129.900	273.719.500
DNTN Hồng Nam	211.472.250	202.104.100
Công ty CP Bao Bì 3/2	310.906.530	396.484.990
Công ty TNHH AVCO Việt Nam	319.448.800	177.056.000
Công ty TNHH Hà Trâm Vũ	267.626.644	5.571.896
Công ty TNHH MT	49.322.240	-
Công ty TNHH Chanchem	88.687.500	106.700.000
Ông Lê Công Hòa	1.036.477.929	737.464.009
Các nhà cung cấp khác khác	7.176.698.111	6.890.067.356
Cộng	119.328.053.788	113.213.209.132

* Trong đó, số dư công nợ phải trả ngắn hạn người bán có gốc ngoại tệ là:

USD	191,73	4.368.568
EUR	4.741,05	115.999.279

11.1. Thuế và các khoản thuế phải thu nhà nước	31/03/2017	01/01/2017
-Thuế GTGT được khấu trừ	161.731.135	169.344.166
-Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	330.011	3.800.994
cộng	162.061.146	173.145.160
11.2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/03/2017	01/01/2017
- Thuế GTGT	1.535.343.608	1.114.719.507
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.108.967	2.818.572.465
- Thuế thu nhập cá nhân	-	126.640.558
- Tiền thuế đất	489.916.248	-
- Tiền nhà thầu	-	-
Cộng	2.182.368.823	4.059.932.530

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL.1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

11.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp NSNN của Công ty trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		31/03/2017	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải trả
Thuế phải nộp Nhà nước	-	4.052.880.924	16.132.365.739	14.261.523.627	162.061.146	2.182.368.823
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.114.719.507	12.774.243.279	13.194.867.380	161.731.135	1.535.343.608
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	8.487.482	8.487.482	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.818.572.465	2.972.271.978	310.808.480	-	157.108.967
- Thuế tài nguyên	-	-	16.200.000	16.200.000	-	-
- Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	-	-	489.916.248	-	489.916.248
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	119.588.952	357.163.000	237.244.037	330.011	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
<i>trong đó:</i>						
+ Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	-	-	-	-
+ Thuế khác	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

	31/03/2017	01/01/2017
12. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí trích trước kiểm toán	120.000.000	70.000.000
- Trích trước tiền điện	515.750.636	198.307.946
- Trích trước chi phí tư vấn	90.000.000	90.000.000
- Trích trước chi phí hoa hồng	3.895.214	30.732.193
- Trích trước chi phí lãi vay	1.145.693.694	361.030.200
- Trích trước chi phí khác	1.878.265.588	1.878.265.588
Cộng	3.753.605.132	2.628.335.927
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	1.345.873.271	1.255.379.872
- Bảo hiểm xã hội	3.184.769.233	829.238.380
- Bảo hiểm Y tế	1.893.313.687	1.892.556.040
- Bảo hiểm thất nghiệp	426.901.937	423.742.154
- Các khoản phải trả , phải nộp khác	10.822.494.999	118.813.909
Trong đó :		
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
+ Tài sản thừa chờ xử lý		
+ Các khoản phải trả - khác		
Cộng	17.673.353.127	4.519.730.355
14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
* Vay ngắn hạn	305.750.018.448	260.440.313.334
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	179.322.820.240	171.572.342.347
- VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	165.805.026.580	171.572.342.347
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	13.517.793.660	-
-Ngân hàng TMCP quân đội -Khánh Hòa	12.736.768.990	24.385.015.966
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	12.658.061.726	14.658.061.726
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	78.707.264	9.726.954.240
-Ngân hàng BIDV - Khánh Hòa	71.783.532.409	39.585.402.634
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	34.350.667.914	39.585.402.634
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	37.432.864.495	-
-Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	10.690.945.239
- HSBC Việt Nam - VND	-	10.690.945.239
-Ngân hàng ICB Nha Trang	41.906.896.809	14.206.607.148
+ ICB Nha Trang - VND	41.906.896.809	14.206.607.148
* Vay dài hạn đến hạn trả	3.780.399.997	4.921.899.996
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	1.312.000.000	1.756.000.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	1.312.000.000	1.756.000.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	-	-
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm	550.000.000	740.000.000
- Dự án lắp đặt trần laphong và hệ thống điều không	762.000.000	1.016.000.000
+ Dự án 04 máy ghép -NMS3	-	-
+ Dự án 05 máy DK tròn 15 máy DK phẳng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

	31/03/2017	01/01/2017
14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)		
-Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa	376.000.000	376.000.000
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	376.000.000	376.000.000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	376.000.000	376.000.000
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	1.320.000.000	1.760.000.000
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	1.320.000.000	1.760.000.000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án Nhà máy May 4	1.320.000.000	1.760.000.000
-Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB (VCB leasing)	772.399.997	1.029.899.996
+ VCB leasing - VND	772.399.997	1.029.899.996
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	772.399.997	1.029.899.996
Cộng	309.530.418.445	265.362.213.330
14.2 Các khoản vay và nợ dài hạn	31/03/2017	01/01/2017
* Vay dài hạn	171.934.373.046	161.341.158.406
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	168.203.706.046	157.517.158.406
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	90.664.055.012	79.906.447.694
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	77.539.651.034	77.610.710.712
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm	780.000.000	780.000.000
- Dự án lắp đặt trần laphong và hệ thống điều không	1.528.000.000	1.528.000.000
- Dự án 01 máy ghép		-
- Dự án 05 máy Dkim tròn & 15 máy Dkim phẳng		-
- DA nhà máy sản xuất vải dệt kim	165.895.706.046	155.209.158.406
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	3.080.000.000	3.080.000.000
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	3.080.000.000	3.080.000.000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án quy hoạch NM May 2&4 theo Lean	3.080.000.000	3.080.000.000
-Ngân hàng ABB - Chi nhánh Khánh Hòa	650.667.000	744.000.000
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	650.667.000	744.000.000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	650.667.000	744.000.000
* Nợ dài hạn	85.833.349	85.833.349
-Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB (VCB leasing)	85.833.349	85.833.349
+ VCB leasing - VND	85.833.349	85.833.349
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	85.833.349	85.833.349
cộng	172.020.206.395	161.426.991.755

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

14.3 BẢNG THEO DỐI NỢ VAY NGẮN VÀ DÀI HẠN

STT	Ngân hàng	Số dư đầu kỳ	Vay thêm trong kỳ	Trả nợ	Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả	Đánh giá lại nợ có gốc ngoại tệ	Trả nợ/Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Vay dài hạn	161.426.991.755	10.737.607.318	144.392.678	-	-	6.932.143.934	172.020.206.395
1.1	Ngân hàng VCB	157.517.158.406	10.737.607.318	51.059.678			2.871.661.150	168.203.706.046
1.2	Ngân hàng BIDV	3.080.000.000					2.654.482.788	3.080.000.000
1.3	Ngân hàng ABB	744.000.000		93.333.000			376.000.000	650.667.000
1.4	VCB Leasing - CN TP HCM	85.833.349	-	-			1.029.999.996	85.833.349
2	Vay ngắn hạn	260.440.313.334	200.870.436.419	155.560.731.305	-	(417.309.645)	155.143.421.660	305.750.018.448
2.1	Ngân hàng VCB	171.572.342.347	120.699.766.141	112.949.288.248		(70.338.429)	112.878.949.819	179.322.820.240
2.2	Ngân hàng BIDV	39.585.402.634	52.470.380.617	20.272.250.842		(346.971.216)	19.925.279.626	71.783.532.409
2.3	Ngân hàng IISBC	10.690.945.239		10.690.945.239			10.690.945.239	-
2.4	Ngân hàng MB	24.385.015.966		11.648.246.976			11.648.246.976	12.736.768.990
2.5	Ngân hàng ICB Nha Trang	14.206.607.148	27.700.289.661				-	41.906.896.809
3	Nợ dài hạn đến hạn trả	4.921.899.996	-	1.141.499.999	-	-	1.141.499.999	3.780.399.997
3.1	Ngân hàng VCB	1.756.000.000		444.000.000	-	-	444.000.000	1.312.000.000
3.2	Ngân hàng BIDV	1.760.000.000		440.000.000	-	-	440.000.000	1.320.000.000
3.3	Ngân hàng ABB	376.000.000		-	-	-	-	376.000.000
3.4	VCB Leasing - CN TP HCM	1.029.899.996		257.499.999			257.499.999	772.399.997
	TỔNG	426.789.205.085	211.608.043.737	156.846.623.982	-	(417.309.645)	163.217.065.593	481.550.624.840

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

	31/03/2017	01/01/2017
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số dư tại 01/01	2.369.639.007	1.985.592.567
Trích từ lợi nhuận sau thuế		2.127.911.139
Tăng khác	921.000	158.236.500
Chi khen thưởng, phúc lợi	(837.400.000)	(1.902.101.199)
cộng	1.533.160.007	2.369.639.007
15.1 Quỹ khen thưởng	31/03/2017	01/01/2017
Số dư tại 01/01	1.150.800.376	907.674.807
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	1.063.955.569
Tăng khác	-	113.370.000
Chi khen thưởng	(728.400.000)	(934.200.000)
cộng	422.400.376	1.150.800.376
15.2 Quỹ phúc lợi	31/03/2017	01/01/2017
Số dư tại 01/01	1.218.838.631	1.077.917.760
Trích từ lợi nhuận sau thuế		1.063.955.570
Tăng khác	921.000	44.866.500
Chi phúc lợi	(109.000.000)	(967.901.199)
cộng	1.110.759.631	1.218.838.631
16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/03/2017	01/01/2017
- Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú	96.143.750.000	136.143.750.000
- Vốn góp của đối trọng khác	88.856.250.000	48.856.250.000
Cộng	185.000.000.000	185.000.000.000
16.2. Các quỹ của doanh nghiệp	31/03/2017	01/01/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	22.015.663.659	22.015.663.659
-Thặng dư vốn cổ phần	2.030.000.000	2.030.000.000
Cộng	24.045.663.659	24.045.663.659

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

16.3- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc VSCH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659		30.817.714.752	541.680.275	240.405.058.686
- Tăng vốn trong kỳ		-					-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-		19.691.135.091	(462.098.105)	19.229.036.986
- Tăng khác		-	-				-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-		(2.127.911.138)	-	(2.127.911.138)
- Thương cho HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-		(290.000.000)	-	(290.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-		-	-	-
- Chia cổ tức 2015	-	-	-		(29.600.000.000)	-	(29.600.000.000)
- Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-		-	-	-
- Giảm khác	-	-	-		-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	-	18.490.938.705	79.582.170	227.616.184.534
Số dư tại ngày 01/01/2017	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659		30.817.714.752	541.680.275	240.405.058.686
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-		980.182.508	(105.990.474)	874.186.034
Số dư tại ngày 31/03/2017	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	-	31.797.897.260	435.683.801	241.279.244.720

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

17. Cổ phiếu	31/03/2017	01/01/2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.500.000	18.500.000
Trong đó :		
+ Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú	9.614.375	13.614.375
+ Cổ phiếu của đối tượng khác	8.885.625	4.885.625
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
Cộng	18.500.000	18.500.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000
18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán:	31/03/2017	01/01/2017
21.1 Tài sản thuê ngoài	305.497.712.100	305.497.712.100
21.2 Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	51.501,83	51.501,83
- Euro (EUR)	2,86	2,86
21.3 Nợ khó đòi đã xử lý	439.817.834	439.817.834
- Công ty TNHH TMDV Nam Phúc	122.968.739	122.968.739
- Ông Phan Thế Thông	137.134.108	137.134.108
- Ông Lê Trung Hải	179.714.987	179.714.987
* Nguyên nhân xóa sổ: Không tìm thấy đối tượng đòi nợ		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

19.1 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
+ Số dư đầu kỳ	81.883.523.597	381.883.582.753	15.028.384.203	2.612.993.377		481.408.483.930
+ Tăng trong kỳ		4.685.990.346	309.936.182			4.995.926.528
- Mua trong kỳ		4.685.990.346	309.936.182			4.995.926.528
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ	81.883.523.597	386.569.573.099	15.338.320.385	2.612.993.377		486.404.410.458
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ	45.911.817.396	305.382.985.184	10.167.930.193	1.967.043.586	59.928.000	363.489.704.359
+ Tăng trong kỳ	1.333.842.896	2.982.022.948	246.669.579	44.420.887		4.606.956.310
- Khấu hao trong kỳ	1.333.842.896	2.982.022.948	246.669.579	44.420.887		
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ	47.245.660.292	308.365.008.132	10.414.599.772	2.011.464.473	59.928.000	368.096.660.669
Giá trị còn lại của TSCĐ III						
- Tại ngày đầu kỳ	35.971.706.201	76.500.597.569	4.860.454.010	645.949.791		117.978.707.571
- Tại ngày cuối kỳ	34.637.863.305	78.204.564.967	4.923.720.613	601.528.904	59.928.000	118.367.677.789

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vinh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

19.2 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính						
+ Số dư đầu kỳ		5.542.560.188				5.542.560.188
+ Tăng trong kỳ						
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		5.542.560.188				5.542.560.188
<i>trong đó, KH hết vẫn còn sử dụng</i>						
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ		1.077.720.072				1.077.720.072
+ Tăng trong kỳ		92.376.006				92.376.006
- Khấu hao trong kỳ		92.376.006				92.376.006
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		1.170.096.078				1.170.096.078
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính						
- Tại ngày đầu kỳ		4.464.840.116				4.464.840.116
- Tại ngày cuối kỳ		4.372.464.110				4.372.464.110

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vinh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
1. Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	136.740.721.433	191.122.961.135
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	39.760.752.405	55.692.652.656
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.454.972.203	2.745.614.594
Cộng	185.956.446.041	249.561.228.385
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán - thành phẩm		
3. Doanh thu thuần	185.956.446.041	249.561.228.385
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	136.740.721.433	191.122.961.135
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	39.760.752.405	55.692.652.656
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.454.972.203	2.656.641.868
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm	120.775.124.979	189.030.300.271
Giá vốn của hàng hóa, vật tư thu hồi	37.934.858.563	55.255.139.518
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.646.637.930	2.427.003.937
Cộng	160.356.621.472	246.712.443.726
Lợi nhuận gộp	25.599.824.569	2.848.784.659
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	30.888.305	7.854.952
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.027.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	117.517.854	120.314.031
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	-	568.818.984
Cộng	148.406.159	1.723.987.967
6. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	5.611.026.275	4.062.483.670
Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán	-	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	161.692.568	232.130.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	5.772.718.843	4.294.613.731
7. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	607.985.666	775.212.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.849.999	3.849.999
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.507.731	3.666.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.348.836	1.116.110.421
Chi phí khác	528.730.520	378.749.791
Cộng	1.637.422.752	2.277.588.595

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	5.581.666.457	4.074.627.021
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	197.952.391	268.713.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.191.155	308.355.677
Thuế phí và lệ phí	496.916.248	360.288.102
Chi phí dự phòng các khoản phải thu	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.005.631	441.629.140
Chi phí khác	1.963.237.832	1.554.946.883
Cộng	8.758.969.714	7.008.560.468
9. Thu nhập khác		
Thu bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	-	-
Lãi thu được từ bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Bồi thường chất lượng hàng hóa	-	-
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	956.250.000	-
Các khoản thu nhập khác	10.300.000.000	1
Cộng	11.256.250.000	1
10. Chi phí khác		
Thu bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.155.000.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	-	(2.164.487.825)
Lãi từ bán, thanh lý tài sản cố định	-	9.487.825
Thuế truy thu, phạt chậm nộp, phạt hành chính	-	-
Các khoản chi phí khác	19.724.435.530	172
Cộng	19.724.435.530	9.487.997
11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	(23.109.403)	(23.109.403)
Cộng	(23.109.403)	(23.109.403)
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	980.182.509	833.038.167
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	980.182.509	833.038.167
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.500.000	18.115.385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	53	46

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG


Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.245.109.274	205.956.195.792
+ Chi phí nhân công	25.629.426.160	39.089.308.456
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	3.955.945.189	5.385.840.958
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.656.051.273	23.440.523.140
+ Chi phí khác bằng tiền	40.944.439	4.875.656.254
Cộng	263.527.476.335	278.747.524.600

Người lập biểu



Hoàng Thị Ái Khanh

Kế toán trưởng


Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang ngày 25 tháng 04 năm 2017

Tổng giám đốc


CÔNG TY C.P
DỆT - MAY
NHÀ TRANG


Võ Đình Hùng